

**Cảm hứng thể sự - điểm gặp gỡ và
khác biệt giữa tiểu thuyết Hồ Biểu
Chánh với tiểu thuyết của một số tác
giả miền Bắc cùng thời**



2.3. Đời sống kinh tế nghèo nàn lạc hậu

Tiểu thuyết của tác giả miền Bắc ít chú trọng đến hiện thực đời sống kinh tế. Các tác giả có phác họa đôi nét về sự phồn vinh giả tạo ở chốn thị thành, thông qua một vài chi tiết tiêu biểu. Phổ phường Hà Nội hiện lên với vẻ lộng lẫy “*nhà cửa nguy nga, lâu đài rực rỡ, phố xá sạch sẽ rộng rãi, người người ăn mặc màu mỡ...*”, thế nhưng “*giả có trông thấy người kéo xe cao su cùng xe sắt một ngày một đông, giả có ra các chốn cửa ô xe điện thấy lũ ăn mày trẻ với già, mù với tàn tật, giả có trông thấy những hạng giặt khăn ở các ngõ hẻm tối tăm mới biết rằng Hà Nội chẳng qua là cái màu rực rỡ che phủ chung quanh cái giường người ốm một cách khôi hài trong cái bi kịch sinh nhai của quốc dân mà thôi*” (*Cuộc tang thương*). Nhìn sự việc ở tầm nhìn vĩ mô cho nên các nhà văn không tái hiện được bức tranh thế sự ở mức vi mô.

Riêng ở đề tài này, Hồ Biểu Chánh đã thể hiện một cách cụ thể, chân thật và đa dạng đời sống kinh tế ở Nam bộ thời bấy giờ. Nỗi bức xúc, cũng là niềm xót xa của nhà văn khởi nguồn từ một thực tế khó có thể tin được nhưng đó đã là sự thật: Chính tại xứ sở trù phú, có thể “*làm chơi ăn thiệt*”, nguồn sống dồi dào “*dưới sông có cá, trên bờ có lúa*” lại từng diễn ra nạn đói thảm khốc, có gia đình lâm vào cảnh: “*cả nhà phải luộc rau cỏ mà ăn đỡ, chớ không có cháo mà ăn*” (*Ngọn cỏ gió đùa*). Trái tim nhân hậu, cùng với nỗi lo đời đã tạo nên trở ngại cho nhà văn khi nghĩ đến cuộc sống hiện tại của bao người. Cảm từ vấn đề trên, muốn viết về nó, lại có được cái nhìn tinh tế, Hồ Biểu Chánh đã tái hiện chân thực bức tranh thế sự. Ông đã chỉ ra mâu thuẫn giữa người giàu và người nghèo, nêu lên tình trạng lạc hậu của nền kinh tế hiện thời, nói rõ những bất công mà người nghèo gánh chịu.

Hồ Biểu Chánh đã dành nhiều trang viết sắc sảo để nói về cảnh khổ của người nghèo. Thể hiện nỗi cay đắng và khổ ải của những kiếp người phải vật lộn với việc mưu sinh. Họ bị đẩy vào cái thế: con người như muốn trở lại bản năng sinh vật, níu lấy sự sống bằng bất cứ giá nào. Hành động bưng trộm nồi cháo heo của nhà địa chủ, giựt com của hai vợ chồng người ăn mày, Lê Văn Đố (*Ngọn cỏ gió đùa*) tỏ ra liều lĩnh. Anh ta buộc phải liều để sinh tồn. Thật xót xa cho một kiếp người! Với trường hợp của anh, đúng là “*bần cùng sinh đạo tặc*”. Điều chua chát ở đây không chỉ là phải làm đạo tặc, mà còn là làm đạo tặc để được cái gì? Thân phận con người bỗng trở nên thấp hèn, rẻ

rúng tốt cùng! Đánh đổi cả danh dự, tính mạng để có được thức ăn mà nhà giàu dành cho súc vật. Thế nhưng, nào có được!

Không dừng lại ở nội dung trên, Hồ Biểu Chánh còn đi sâu vào nhiều vấn đề khác của nền kinh tế đương thời. Đó là tình trạng lạc hậu trong kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, đất đai tập trung vào tay địa chủ, người lao động không chỉ sống nghèo khổ mà cuộc đời còn chìm đắm trong sự dốt nát. Họ xa lạ với mọi phương tiện hiện đại, sản xuất theo tập quán, lệ thuộc vào thời tiết... Nông nghiệp không thể phát triển, kể cả thương nghiệp cũng có nhiều điều đáng buồn. Người Việt Nam phải chịu sức cạnh tranh dữ dội của tư sản nước ngoài, khó có thể đứng vững trên thị trường, nói chi đến việc làm chủ nền kinh tế của mình. Qua lời đối thoại giữa Trần Công Nghĩa và Vĩnh Thái (*Khóc thầm*), Hồ Biểu Chánh đã gọi lên đôi điều về thực trạng nói trên.

Nam bộ là vùng đất màu mỡ, thiên nhiên ưu đãi con người. Nhưng *lộc trời* không phải ai cũng hưởng được. Hồ Biểu Chánh còn nói đến sự chênh lệch mức sống giữa người giàu và người nghèo, giữa thành thị và nông thôn. Người giàu *ngồi mát ăn bát vàng*, chẳng phải làm lụng gì cả hàng năm vẫn thu được mấy ngàn gạ lúa như Cai tổng Luông (*Thầy thông ngôn*); không cần lao động vất vả lại luôn được sống sung sướng. Trong khi đó, người nghèo phải làm “*cháy da phỏng trán, lo quên ngủ quên ăn*” (*Cha con nghĩa nặng*) mà vẫn khi đói khi no. Gặp năm hạn hán, mất mùa thì rơi vào túng quẫn như Lê Văn Đố (*Ngọn cỏ gió đùa*). Nông thôn Nam bộ qua tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh hầy còn hoang sơ và tiêu điều. Cuộc sống rất mong manh. Cuộc sống luôn bị đe dọa bởi cái đói nghèo và chìm sâu trong sự lạc hậu. Có cái gì đó như đã làm nhói lòng tác giả. Cho nên đã có những đoạn viết đầy xót xa về những con người do sống quá nghèo khổ mà trở thành *quê mùa* đến đáng thương: “... Ba người đi trong đường Quảng Tổng Cái, thỉnh linh thấy một cái xe hơi đậu dựa lề, trên có một người trai đương ngồi hút thuốc. Ba người không biết cái xe gì mà hình dáng coi kỳ cục quá nên xúm lại đứng chung quanh mà coi, rồi cãi lẩy với nhau, người thì nói chừng muốn chạy người ta sẽ bắt ké ngựa vô, kẻ lại nói có lẽ người ta chạy bằng máy, chớ có chỗ nào mà bắt ké ngựa cho được” (*Con nhà nghèo*). Khi ấy, ở thành thị bao người được tận hưởng mọi đặc ân từ cuộc sống hiện đại. Họ sống trong biệt thự sang trọng, có người hầu kẻ hạ; được ăn những bữa thịnh soạn ở nhà hàng; được hưởng thụ mọi thú vui chơi giải trí; bước ra

đường là lên xe hơi (*Kể làm người chịu, Tiền bạc bạc tiền, Một chữ tình*). Có thể, cho nên một người xuất thân từ bần nông như Ba Cam, ra thành thị kiếm sống đã được thay đổi: “*Mà coi bộ nó khá lắm. Có đi giầy, bận đồ Tây, coi tử tế lắm*” (*Con nhà nghèo*).

Ngôn ngữ là yếu tố quan trọng làm nên tác phẩm văn chương. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh được viết bằng ngôn từ giản dị, bình dân, đậm sắc thái Nam bộ. Đặc biệt còn có sự xuất hiện của lớp từ ngoại lai, đã góp phần làm nổi bật hình ảnh của xã hội buổi giao thời với đủ hạng người, đủ các lối sống, mức sống. Một xã hội có nền kinh tế thay đổi lớn, hàng hóa trở nên phong phú hơn. Nhiều vật dụng tiện nghi, hiện đại xuất hiện. Con người bắt đầu được thừa hưởng các phương tiện mới trong cuộc sống. Có thể nhận và gửi tiền cho nhau mà không cần phải gặp nhau; được thưởng thức những món ăn mới lạ mà không cần phải tốn nhiều thời gian chế biến, có thể mang đi đường thuận lợi. Những đổi thay đó có mặt tích cực nhất định nhưng vẫn không che dấu được một sự thật xót xa. Bởi đó là sự phát triển nhằm phục vụ cho kế hoạch xâm lược lâu dài của Pháp. Nó không phải là sự phát triển nội tại của nền kinh tế nước nhà, để đem lại hạnh phúc cho người Việt Nam. Thông qua lớp từ ngoại lai chỉ đồ vật, thực phẩm hay các phương tiện mới như *canô, xalông, qua li, giầy săng, mù soa, ram bon, patê, xúc xích, manda*,... tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh thể hiện được những đổi thay có nhiều tính chất phức tạp của nền kinh tế nói trên.

Nhìn chung, thế sự được nói đến trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh và một số nhà văn miền Bắc thật bề bộn, phức tạp. Phản ánh thế sự, Hồ Biểu Chánh cũng giống một số tác giả miền Bắc, chưa đề cập đến những vấn đề thuộc lĩnh vực chính trị. Do đó, bức tranh xã hội còn mang tính phiến diện. Các nhà văn đều quan sát hiện thực bằng lăng kính đạo đức. Họ quan tâm đến những gì làm tổn hại đạo đức cổ truyền của dân tộc. Nhất là Hồ Biểu Chánh, không bỏ qua một sự kiện nào trái với đạo lí: Quan lại nhũng nhiễu ức hiếp dân lành; những kẻ giàu có tham lam bạc ác, bóc lột người nghèo; con người bị hư hỏng sa đọa vì chạy theo lối sống mới; bị lôi kéo bởi thế lực đồng tiền... Trong khi đó đầu thế kỉ XX, vấn đề quan trọng nhất đặt ra cho đất nước là vấn đề sống còn của dân tộc trước giặc ngoại xâm. Văn học yêu nước giai đoạn này đã tập trung thể hiện nội dung trên.

Tiểu thuyết của một số tác giả miền Bắc cũng như tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh chưa hề dả động đến tội ác của thực dân Pháp. Trong khi bấy giờ Pháp đang thực hiện chính sách khai thác thuộc địa, mở rộng các hình thức bóc lột, đặt ra sưu cao thuế nặng... Chính những việc làm ấy đã đẩy người dân đến cảnh bần cùng khốn khổ. Thế nhưng, nếu không giải thích như Đặng Trần Phát: đau khổ là chuyện tất nhiên của cuộc đời, thì lại có cách lí giải như Hồ Biểu Chánh: bất hạnh của con người sinh ra từ dốt nát, đói nghèo. Cái dốt nát, đói nghèo ấy không được giải thích từ nguyên nhân nước mất, dân làm nô lệ, mà tất cả do lòng người bất minh, xã hội bất đạo. Nhân vật Lý Ánh Nguyệt trong tác phẩm *Ngọn cỏ gió đùa* từng than thở và oán trách: “*chỉ có một cái nghèo nó làm cho nàng đê tiện cực khổ, chớ chẳng phải điều chi khác*”, “*rồi nàng phiền ông trời sao nữ khiến nghèo hèn cho nàng làm chi*”, nàng còn cho rằng “*tại lòng người nham hiểm, độc ác, nên mới có việc uất ức*”. Các nhân vật đau khổ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh có cùng suy nghĩ như thế, không riêng gì Lý Ánh Nguyệt, mà cả Lê Văn Đố (*Ngọn cỏ gió đùa*), Cai tuần Bưởi (*Con nhà nghèo*) cũng vậy.

Hiện thực về cuộc đấu tranh chống giặc giành lại độc lập càng không được nhắc tới. Có chăng, chỉ gợi lên lòng tự hào về truyền thống quật cường của cha ông thuở xưa để hiện tại không thấy quá tự ti, mặc cảm mà phải biết nghĩ đến bổn phận của *con rồng cháu tiên* để biết làm gì cho khỏi hổ thẹn với sông núi, tổ tiên; chứ chưa phản ánh được không khí cách mạng diễn ra sôi nổi và quyết liệt vào những năm trước khi Đảng ra đời. Đó là trường hợp của tiểu thuyết viết về đề tài lịch sử của Nguyễn Tử Siêu.

Những hạn chế nêu trên là tình trạng phổ biến ở văn học hợp pháp giai đoạn này. Khi mà ánh sáng của tư tưởng tiến bộ chưa soi rọi đến, thì đối với các nhà văn không riêng gì Hồ Biểu Chánh, Đặng Trần Phát, Trọng Khiêm... mà cả Ngô Tất Tố, Nam Cao về sau vẫn có cái nhìn chưa trọn vẹn về con người, cuộc sống đương thời. Nông thôn trong các tác phẩm của Ngô Tất Tố là một màn đêm đen kịt. Cuộc sống của làng quê trong sáng tác Nam Cao chỉ có bi kịch và bế tắc.

3. Tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn 30 năm đầu thế kỷ XX, trong đó có tiểu thuyết ra đời ở miền Bắc và tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, được hình thành trên cái nền truyền thống của văn học trung đại, có tác động mạnh mẽ của văn học phương Tây và cùng bị chi phối bởi hoàn cảnh lịch sử xã hội đương thời nhưng không cùng làm nên

đặc điểm chung cho thể loại. Đã có sự “gặp gỡ”, đồng thời cũng có nhiều nét “khác biệt” giữa tiểu thuyết miền Bắc và tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Sự “gặp gỡ” là điều tất yếu xảy ra ở các nhà văn đã chọn giải pháp tiếp nhận cái mới từ phương Tây nhưng không chối bỏ những gì thuộc về truyền thống văn học đã tồn tại hơn 10 thế kỷ qua. Các tiểu thuyết gia miền Bắc và Hồ Biểu Chánh đều là những người theo tân học nhưng không có chủ trương công kích Nho học quyết liệt. Họ vẫn còn vương vấn với đạo đức phong kiến. Họ đều đang có những chuyển biến trong quan niệm sáng tác. Cùng đi tìm cảm hứng ở cuộc sống và con người hiện đại, cả Hồ Biểu Chánh và các nhà văn miền Bắc đều nhạy cảm, dễ rung động trước những biến đổi của thời cuộc. Cho nên thể sự trở thành đề tài được quan tâm chung, hơn nữa còn là sự say mê thể hiện trong sáng tác của họ.

Những điểm “khác biệt” như đã trình bày, xuất phát từ nhiều nguyên nhân, có khách quan lẫn chủ quan. Hoàn cảnh lịch sử chính trị, truyền thống văn hóa, điều kiện tự nhiên, địa lí... tất cả đều có sự chi phối nhất định đến sáng tác của các nhà văn. Cũng không thể bỏ qua yếu tố nhận thức và quan niệm của nhà văn về con người, cuộc sống. Cuộc đời đầy suôn sẻ, chưa chút lận đận, lại làm quan đến chức Đốc phủ sứ chắc chắn chi phối cách nhìn của nhà văn Hồ Biểu Chánh, đồng thời cũng ảnh hưởng đến việc lí giải mọi vấn đề thể sự. Với số lượng 64 tác phẩm, riêng giai đoạn trước 1930 có 17 tác phẩm, Hồ Biểu Chánh có nhiều điều kiện để bao quát chuyện đời, say sưa lí giải và bàn luận giải pháp cho nhân tình thể sự. Mặc dù còn có hạn chế nhưng vẫn thấy rõ, cảm hứng thể sự ở tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh bộc lộ rõ nét hơn so với tiểu thuyết miền Bắc. Tiểu thuyết ra đời ở miền Bắc, có đề cập đến thể sự, ở giai đoạn này, hãy còn thừa thớt về số lượng. Vì thế chưa đủ sức bao quát mọi vấn đề của cuộc sống và con người. Vẫn còn nhà văn như Nguyễn Tử Siêu tiếp tục đi tìm cảm hứng từ chuyện xưa, tích cũ. Có thể khẳng định, ở 30 năm đầu thế kỷ XX, Hồ Biểu Chánh là người đi tiên phong trong việc hiện đại hóa tiểu thuyết Việt Nam, theo con đường của chủ nghĩa hiện thực.

Qua tìm hiểu cảm hứng thể sự, đã thấy rõ từ khi mới được hiện đại hóa, tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh cũng như tiểu thuyết miền Bắc đều có những thành công đáng kể. Đã dần dần chối bỏ đề tài *trung, hiếu, tiết, nghĩa* mà chú ý tới chuyện *đời thường, thể sự*. Con người bình thường đã trở thành đối tượng miêu tả của nhà văn. Hiện đại hóa tiểu

thuyết ở đầu thế kỉ XX diễn ra rộng khắp và có định hướng cụ thể. Thế nhưng để đến đích, mỗi nhà văn, nhà văn ở mỗi miền đã có những bước đi dài ngắn khác nhau cho hành trình nhiều thử thách ấy□

TaiLieuTuoiv.com